Mẫu 38

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2018/QĐST-DS	Kiên Lương, ngày 13 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Út T – sinh năm 1974 (là chủ DNTN T)

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S – sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) của ông Trương Út T, ông còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp số tiền 40.000.000đ, có làm biên bản cam kết nợ vào ngày 05/5/2014. Nay ông đồng ý trả nợ số tiền 40.000.000đ và xin thanh toán trong thời hạn 03 năm, cụ thể:

Thực hiện trả nợ lần đầu trong năm 2018 là 13.000.000đ;

Thực hiện trả nợ trong năm 2019 là 13.000.000đ;

Thực hiện trả nợ trong năm 2020 là 14.000.000đ là hết số nợ.

Nguyên đơn ông Trương Út T – chủ DNTN T trình bày: ông thống nhất số tiền 40.000.000đ và cách thanh toán số tiền như ông S đã trình bày và không có yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Án phí DSST là 1.000.000đ, mỗi bên phải chịu ½. Ông T – chủ DNTN T phải chịu 500.000đ, ông S phải chịu 500.000đ. Ông T – chủ DNTN T được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 1.073.000đ theo lai thu số 0001832, ngày 24/4/2018, số tiền còn thừa được trả lại là 573.000đ cho ông Trương Út T– chủ DNTN T.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Cao Thị Mai